

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Võ Phước Khánh T - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ I, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Tùng M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận L. Địa chỉ: C Hồ T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị T1 - Chức vụ: Phó giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng bà kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc tại tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên không cùng chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông M không chí thú làm ăn, sử dụng ma túy đá, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Hiện tại bà H xác định tình cảm không còn yêu thương ông M nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Tùng M.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị H khai nhận có 04 người con chung là: Lê Tùng Vệ T2, sinh ngày 28/02/2010; Lê Tùng Thái A, sinh ngày 28/01/ 2012; Lê Tùng Trọng B, sinh ngày 14/02/2016 và Lê Hải Y, sinh ngày 21/9/ 2019. Ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi 04 con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và Ông M xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ Phòng giao dịch quận L số tiền 45.000.000đ. Bà H yêu cầu mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ khoản nợ.

* Tại bản tự khai ngày 30.12.2022 và tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị bị đơn ông Lê Tùng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn ông M thống nhất như lời trình bày của bà H là đúng. Ông M hiện đang chấp hành án thời gian 9 năm tù. Nay bà H xin ly hôn ông M đồng ý.

Về con chung: Ông M thống nhất vợ chồng ông, bà có 04 con chung. Ly hôn ông đồng ý giao 4 con chung cho bà H nuôi dưỡng. Ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M có nợ Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ - Phòng giao dịch quận L số tiền 45.000.000đ. Ly hôn, do ông M đang chấp hành án phạt tù nên chưa có điều kiện trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận L trình bày: Ngân hàng có cho vợ chồng ông Lê Tùng M, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 45.000.000đ, lãi suất vay 6,6%/năm, thời hạn cuối cùng trả tiền nợ gốc là ngày 18/4/2024. Nay ông M, bà H ly hôn ngân hàng yêu cầu ông M, bà H phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Tùng M không tham gia quá trình tố tụng do đang phải chấp hành án tại trại giam N nên không thể tham gia phiên tòa, đồng thời ông Lê Tùng M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn đối với ông Lê Tùng M.

Về con chung: Căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao 04 con chung là Lê Tùng Vệ T2, sinh ngày 28/02/2010; Lê Tùng Thái A, sinh ngày 28/01/ 2012; Lê Tùng Trọng B, sinh ngày 14/02/2016 và Lê Hải Y, sinh ngày 21/9/ 2019 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông M, bà H tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ - Phòng giao dịch quận L số tiền 45.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Tùng M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tùng M đăng ký kết hôn vào ngày 10.4.2010, vào sổ số 37 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ do tính tình, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, ông M có hành vi sử dụng ma túy đá. Mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, mặt dù bà H đã cố gắng tìm biện pháp khắc phục cũng không mang lại kết quả gì, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, ông M đi chấp hành án tại Trại giam N. Về phía ông M cũng thống nhất ly hôn bà H do có mâu thuẫn, ông M xác định tình cảm của ông cũng không còn với bà H nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H. Hội đồng xét xử xác định: Giữa ông M, bà H trong thời gian chung sống có mâu thuẫn, do quan điểm sống, tính tình vợ chồng không phù hợp, ông M có hành vi sử dụng ma túy dẫn đến vi phạm pháp luật. Ông Lê Tùng M hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, hiện tại bà H cùng 04 con ở nhà cùng bố mẹ ruột cho đến nay. Như vậy xác định hiện nay ông M và bà H đã sống ly thân và vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày các đương sự là đúng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H đối với ông M, xử cho bà H được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H, ông M có 04 con chung tên là Lê Tùng Vệ T2, sinh ngày 28/02/2010; Lê Tùng Thái A, sinh ngày 28/01/ 2012; Lê Tùng Trọng B, sinh ngày 14/02/2016 và Lê Hải Y, sinh ngày 21/9/ 2019. Bà H có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn và cả 03 cháu T2, A và B đều có nguyện vọng ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Riêng cháu Y chưa đủ 7 tuổi nên không có ý kiến trong vấn đề ở với cha hay mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông M có ý kiến đồng ý giao 04 con chung cho bà H nuôi vì ông M không có khả năng chăm

sóc 4 con do đang phải chấp hành án tại trại giam N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Lê Tùng Vệ T2, sinh ngày 28/02/2010; Lê Tùng Thái A, sinh ngày 28/01/ 2012; Lê Tùng Trọng B, sinh ngày 14/02/2016 và Lê Hải Y, sinh ngày 21/9/ 2019 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông M xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đ - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận L số tiền 45.000.000đ, lãi suất vay 6,6%/năm, thời hạn cuối cùng trả tiền nợ gốc là ngày 18/4/2024. Ngân hàng cũng xác nhận ông M, bà H có nợ số tiền trên. Ly hôn, bà H yêu cầu ông M cùng bà H có trách nhiệm trả tiền nợ cho Ngân hàng, còn ông M cho rằng hiện ông đang chấp hành án nên chưa có điều kiện trả nợ. Ngân hàng yêu cầu ông M, bà H khi ly hôn phải trả tiền nợ cho ngân hàng, tuy nhiên ngân hàng không có yêu cầu độc lập đối với số tiền nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Thời hạn khoản nợ đối với khoản vay nêu trên chưa đến hạn, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 18/4/2024. Hiện tại bà H vẫn trả tiền lãi cho ngân hàng theo đúng cam kết. Mặt khác, ngân hàng không có yêu cầu độc lập buộc ông M, bà H trả số tiền nợ trên cho ngân hàng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với khoản nợ nêu trên. Trường hợp ngân hàng cho rằng ông M, bà H vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 80, 81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Tùng M về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Tùng M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 10/4/2010 của Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 04 con chung: Lê Tùng Vệ T2, sinh ngày 28/02/2010; Lê Tùng Thái A, sinh ngày 28/01/ 2012; Lê Tùng Trọng B, sinh ngày 14/02/2016 và Lê Hải Y, sinh ngày 21/9/ 2019 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Lê Tùng M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 00005547 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa Hiệp Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

